

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026
của Trường THCS Quài Nưa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS QUÀI NỪA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ- UBND ngày 25/12/2025 của UBND xã Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị, các cơ sở giáo dục thuộc UBND xã Tuần Giáo;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi thường xuyên, chi khác và các chính sách an sinh xã hội năm 2026 của trường THCS Quài Nưa.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị từ ngày 8/01/2026 đến 8/02/2026 và công bố tại cuộc họp toàn thể viên chức, người lao động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ phận kế toán và các bộ phận, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND xã;
- Lưu: VT, KT.



Trần Anh Dũng



Đơn vị: Trường THCS Quai Nua

Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 03 / QĐ- THCS Ngày 08/ 01/ 2026 Của trường THCS Quai Nua)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
I	Số thu phí, lệ phí	0
1	Lệ phí	0
2	Phí	0
3	Thu SXKD, dịch vụ	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
1	Chi sự nghiệp	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0
2	Chi quản lý hành chính	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
3	Chi SXKD, dịch vụ	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0
1	Lệ phí	0
2	Phí	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.784.000.000
1	Nguồn ngân sách trong nước	8.784.000.000
1	Chi quản lý hành chính	0
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.784.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.411.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.373.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0
1	Chi quản lý hành chính	0

2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0
II	Nguồn vay nợ nước ngoài	0
1	Chi quản lý hành chính	0
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0
5	Chi đảm bảo xã hội	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0